

Bản án số: 148/2021/HSST

Ngày: 12/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hồng và ông Trần Đức Hảo
- *Thư ký phiên toà:* bà Ngô Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà:* bà Đậu Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2021/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2021/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**; tên gọi khác: không; sinh năm: 1996; nơi cư trú: thôn Yên Nghĩa, xã Lưu Vĩnh S, huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1970 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; vợ: chưa có. Tiền sự; tiền án, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2021 đến ngày 11/3/2021 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Những người được triệu tập đến tham gia phiên tòa:

Người bị hại: 1. anh Nguyễn Phùng N, sinh năm 1993, trú tại xóm M, xã L, TP V1, Nghệ An, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. anh Lê Văn T1, sinh năm 1985, trú tại xóm Sen 1, xã KL, N, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

2. chị Lê Thị V2, sinh năm 1990, trú tại xóm Sen 1, xã KL, huyện N, Nghệ An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/3/2020, Nguyễn Hữu H đi đến cửa hàng Tê xe máy “Tân Dũng” tại số 01, đường Nguyễn Kiệm Tộc khối 9, phường Trường Thi, TP V1, Nghệ An do anh Nguyễn Phùng N làm chủ để Tê xe máy sử dụng. Anh Tú và Nguyễn Hữu H lập hợp đồng Tê chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave alpha, màu trắng đen bạc, BKS: 37N1-67371 trong thời gian 4 ngày với giá 150.000đ ngày và H để lại 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu H. Sau đó, H sử dụng xe để đi lại và làm việc tại huyện N, Nghệ An. Ngày 20/3/2020, khi hết thời hạn Tê xe, H đã xin anh Tú gia hạn thời hạn Tê xe thêm 03 ngày, anh Tú đồng ý. Đến khoảng giữa tháng 4/2020, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy Tê của anh Tú. H mang chiếc xe nói trên đến cầm cố xe cho anh Lê Văn T1 trú tại xóm Sen 1, xã KL, N, Nghệ An lấy số tiền 2.000.000 đồng, sau đó khoảng 20 ngày đã trả được 300.000 đồng rồi bỏ trốn vào miền nam. Số tiền cầm cố có được, H tiêu xài cá nhân hết. Anh Tú nhiều lần liên lạc nhưng H cố tình trốn tránh, thay đổi số điện thoại để cắt liên lạc. Tháng 5/2020, anh Lê Văn T1 cho chị Lê Thị V2 (là em gái của anh Lê Văn T1) mượn chiếc xe máy trên để sử dụng đi lại. Ngày 02/3/2021, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết Cơ quan công an đang điều tra nên Nguyễn Hữu H đã đến Công an phường Trường Thi, TP V1 đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ngày 09/3/2021, chị Lê Thị V2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy mà H chiếm đoạt của anh Tú cho cơ quan điều tra Công an TP V1.

Tại bản kết luận định giá 127/KL-ĐGTS ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND TP Vinh kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng đen bạc, BKS 37N1-673.71 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm giữa tháng 4/2020 là 11.500.000 đồng.

- **Vật chứng vụ án T giữ:** 01 chiếc xe máy Honda Wave alpha, màu trắng đen bạc, BKS 37N1-673.71, ngày 13/3/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vinh đã trả xe cho người bị hại anh Nguyễn Phùng N.

- **Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại anh Nguyễn Phùng N đã nhận lại tài sản nhưng yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu H bồi thường số tiền thiệt hại do không có xe để cho Tê là 40.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 187/VKS - HS ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP V1 truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau: - căn cứ điểm b khoản 1 điều 175, điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: - Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS, xử: Truy T số tiền T lợi bất chính 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn) đồng của bị cáo để sung Ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điều 589 Bộ luật dân sự; điều 48 Bộ luật hình sự, xử: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Phùng N số tiền 31.520.000 (ba mươi một triệu, năm trăm, hai mươi ngàn) đồng bao gồm tiền Tê xe, tiền sửa chữa xe, tiền thiệt hại do không có xe để cho Tê.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, lời khai bị cáo, lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

Vì vậy, có cơ sở để khẳng định: Ngày 16/3/2020 tại cửa hàng Tê xe máy “Tân Dũng” tại số 01, đường Nguyễn Kiệm Tộc khối 9, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Hữu H đã Tê chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng đen bạc, BKS 37N1-673.71 của anh Nguyễn Phùng N bằng hình thức hợp đồng nhưng sau đó không trả xe mà cầm cố chiếc xe nói trên cho anh Lê Văn T1 lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, giá trị chiếc xe máy đó là 11.500.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 175.

[2.2]. Vụ án Tộc loại ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Vinh nói riêng và an toàn xã hội nói chung. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, ra đầu thú. Phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy mức án đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp, có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã T hỏi xe máy trả lại cho anh Nguyễn Phùng N, anh Tú đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường như sau:

- Trả tiền Tê xe theo hợp đồng và cho gia hạn thêm là 7 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, tính được là: $150.000đ \times 7 \text{ ngày} = 1.050.000 \text{ đồng}$.

- Sau khi nhận lại xe phải sửa chữa hết: 2.970.000 đồng

- Tiền bồi thường thiệt hại do không có xe máy để cho Tê, cụ thể ngày ký hợp đồng và bàn giao xe cho bị cáo là ngày 16/3/2020, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 24/3/2020 cho đến ngày anh Tú nhận lại xe từ cơ quan điều tra là ngày 13/3/2021 là 11 tháng 19 ngày, mỗi ngày cho Tê xe được 150.000 đồng/1 xe máy, mỗi tháng T được 4.500.000 đồng/1 xe máy, nên quá trình điều tra anh yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 40.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Tú giảm xuống và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại B quân mỗi tháng là 2.500.000 đồng và thời gian tính là 11 tháng tròn là $2.500.000đ \times 11 \text{ tháng} = 27.500.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng anh yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền là: 1.050.000 đồng + 2.970.000 đồng + 27.500.000 đồng = 31.520.000 đồng.

Xét thấy hộ gia đình anh Tú làm nghề cho Tê xe hơn 10 năm nay, có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho Tê xe máy hợp lệ, tài sản chiếc xe máy cho Tê nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng đen bạc, BKS 37N1-673.71 có đăng ký xe là của anh Tú, có lập hợp đồng Tê xe nên việc cho Tê xe của anh Tú là đúng quy định pháp luật nên được bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay anh Tú yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại

gồm: tiền Tê xe, tiền sửa chữa xe, tiền thiệt hại do không có xe để cho Tê như đã tính toán trên là chính đáng và hợp lý có cơ sở để chấp nhận, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Tú số tiền 31.520.000 đồng.

Đối với anh Lê Văn T1 là người đã có hành vi nhận xe máy cầm cố Tộc sở hữu của người khác mà không có giấy tờ hợp lệ, anh T1 cũng không có Giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Vinh để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc anh T1 cho bị cáo H cầm cố xe máy số tiền 2.000.000 đồng, sau 20 ngày bị cáo H đã trả được 300.000 đồng, còn thiếu 1.700.000 đồng, anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận. Số tiền 1.700.000 đồng mà bị cáo có được từ việc cầm cố xe máy cho anh T1 là số tiền T lợi bất chính nên phải truy T ở bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước.

Chị Lê Thị V2 (em gái anh T1) là người đã mượn chiếc xe máy trên để sử dụng, nhưng xét thấy chị không biết đó là chiếc xe máy mà bị cáo đã chiếm đoạt của người khác nên không phạm tội.

[2.4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hữu H 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ 02/3/2021 đến ngày 11/3/2021.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS, xử: Truy T số tiền T lợi bất chính 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn) đồng của bị cáo để sung Ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điều 589 Bộ luật dân sự; điều 48 Bộ luật hình sự, xử: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Phùng N số tiền 31.520.000 (ba mươi một triệu, năm trăm, hai mươi ngàn) đồng bao gồm tiền Tê xe, tiền sửa chữa xe, tiền thiệt hại do không có xe để cho Tê.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức T án phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.576.000 (một triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người bị hại làm đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu bị cáo không thi hành số tiền bồi thường trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu được thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án/.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKS ND TP VI;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Công an TP VI;
- Chi cục T HA TP VI;
- Trại TG công an Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

